

Phụ lục VI  
Appendix VI

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**  
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á**  
**VIETNAM ASIA COMMERCIAL**  
**JOINT STOCK BANK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026  
Ha Noi, day 28 month 01 year 2026

**BÁO CÁO**

**Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp**  
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments**

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)/Reporting period from 01/01/2025 to 31/12/2025

TT No	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
				Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	1 năm/ one year	13/08/2025	13/08/2032	0	0	0	0	0	0
2	1 năm/ one year	14/10/2025	14/10/2032	0	0	0	0	0	0
3	1 năm/ one year	12/12/2025	12/12/2032	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: in case of default, State the reasons

**II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors**

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)/Reporting period from 01/01/2025 to 31/12/2025

Loại Nhà đầu tư Type of investors	Dư nợ đầu kỳ Opening balance		Thay đổi trong kỳ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị (VNĐ) Value	Tỷ trọng (%) Percentage
<b>I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors</b>			691,630,500,000	100	691,630,500,000	100
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors			387,358,000,000	56.01	387,358,000,000	56.01
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions			200,000,000,000	28.92	200,000,000,000	28.92
b) Quỹ đầu tư /Investment funds						
c) Công ty chứng khoán /Securities companies						
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies			45,783,700,000	6.62	45,783,700,000	6.62
đ) Các tổ chức khác/Other organisations			141,574,300,000	20.47	141,574,300,000	20.47
2. Nhà đầu tư cá nhân /Individual investors			304,272,500,000	43.99	304,272,500,000	43.99
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors</b>						
1. Nhà đầu tư có tổ chức /Institutional investors						
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions						
b) Quỹ đầu tư/Investment funds						
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies						
d) Công ty Bảo hiểm /Insurance companies						
đ) Các tổ chức khác/Other organisations						
2. Nhà đầu tư cá Nhân /Individual investors						
<b>Tổng/ Total</b>			<b>691,630,500,000</b>	<b>100</b>	<b>691,630,500,000</b>	<b>100</b>

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như kính gửi/ as addressed to
- Lưu KT, HC

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC  
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/ CONFIRMATION BY THE LEGAL  
REPRESENTATIVE OF THE BOND ISSUER**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) *Thuê*  
(Sign, full name and seal)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Văn Trọng**